



Bài báo nghiên cứu

ĐẶC TRƯNG NỘI DUNG, NGHỆ THUẬT “LỜI NÓI VẦN” CỦA NGƯỜI BAHNAR

Nguyễn Tiến Dũng

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Tiến Dũng – Email: dungnt@hcmue.edu.vn

Ngày nhận bài: 24-9-2022; ngày nhận bài sửa: 08-11-2022; ngày duyệt đăng: 24-12-2022

TÓM TẮT

Bài viết này giới thiệu sơ lược về đặc trưng nội dung, nghệ thuật “lời nói vần” của người Bahnar, một tộc người ở Bắc Tây Nguyên và một số huyện miền núi tỉnh Bình Định, Phú Yên. Lời nói vần là một loại hình đặc biệt trong văn hóa của người Bahnar¹, trong đó có tiểu loại gần giống với tục ngữ, thành ngữ của người Việt. Lời nói vần của người Bahnar được sử dụng trong giao tiếp hằng ngày và trong truyện cổ, sử thi, luật tục. Nội dung của lời nói vần phong phú, phản ánh hiện thực cuộc sống sinh động của người Bahnar xưa nay. Nghệ thuật của lời nói vần rất độc đáo, vừa là lời ăn tiếng nói hằng ngày của người Bahnar vừa là khuôn mẫu xây dựng, diễn xướng truyện cổ, sử thi.

Từ khóa: nghệ thuật; Bahnar; khuôn mẫu diễn xướng; nội dung; lời nói vần

1. Đặt vấn đề

Người Bahnar là một trong 54 dân tộc Việt Nam. Theo *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, tộc người Bahnar ở Việt Nam có dân số 280.910 người, cư trú trên 53 tỉnh thành ở Việt Nam, tập trung nhiều nhất ở tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Bình Định, Phú Yên. Căn cứ vào địa lí, phong tục tập quán và phương ngữ, các nhà dân tộc học chia người Bahnar thành các nhóm: Jolong, Rongao, Glar (Roh), Konkodeh, Kriem, Tolô, Bonâm. (General Statics Office, 2019, p.43)

Người Bahnar có kho tàng văn hóa dân gian hết sức phong phú, bao gồm truyện cổ, sử thi (*h'mon*), câu đố (*podđ*). Ngoài ra, người Bahnar còn có “lời nói vần”. Đây là một thể loại đặc biệt trong văn hóa của người Bahnar. Lời nói vần là lời ăn tiếng nói đẹp đẽ của người Bahnar. Lời nói vần cũng xuất hiện rất nhiều trong các văn bản ngôn từ khác như truyện cổ sử thi, luật tục, trò chơi dân gian, các bài cúng thần linh. Chẳng hạn lời nói vần

Cite this article as: Nguyen Tien Dung (2022). Unique content and art of Bahnar's rhyming speech. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 19(12), 2137-2145.

¹ Lời nói vần được thể hiện ở nhiều loại hình văn hóa khác nhau của người Bahnar như lời ăn tiếng nói hằng ngày, truyện cổ, sử thi, luật tục, bài cúng thần linh... Vì vậy chúng tôi dùng cụm từ “loại hình đặc biệt trong văn hóa của người Bahnar”.

trong sử thi: *Bắp chân không hơn bắp đùi được* (Pòih bĩ hloh kơ blu)², *Kính trọng người già để được sống lâu* (Jom kră wă kơ sot)³ (Nguyen et al, 2020a, p.391), *Rau hming đã dành lại/ Rau diêu đã được bó* (Hla hming đe sang krum/ Hla hrũm đe sang pla)⁴ (Nguyen et al, 2020b, p.535); lời nói vần trong luật tục: *Cõi măng lung⁵ trả cho măng lung, người măng lung về với măng lung. Không ai được lấy, không ai được chạm* (Buon Krong Tuyet Nhung, 2019, p.157); lời nói vần trong bài cúng thần linh: *Thần tối cao Kei Dei tạo dựng mặt trời, Nữ thần Kuh Keh dựng nên trời đất* (Bok Kei Dei pojing kheĩ ‘nar, yă Kuh Keh pojing teh plễnh) (A Nanh et al, 2008, p.333)... Về hình thức, lời nói vần bao gồm những câu nói giàu vần điệu, cấu trúc độc đáo, ngôn từ giàu hình ảnh, nhạc tính, ý nghĩa sâu xa. Lời nói vần làm cho ngôn ngữ nói sinh động, hấp dẫn, dễ nghe, dễ hiểu, dễ thuộc và có sức biểu đạt cao. Về nội dung, lời nói vần thể hiện tình yêu, kinh nghiệm về lao động, bài học làm người, thể hiện văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của người Bahnar ở đại ngàn Tây Nguyên.

Lời nói vần có một vị trí quan trọng trong đời sống và văn hóa của người Bahnar. Có thể nói, lời nói vần là sự trâm tích lâu đời trong lịch sử hình thành, phát triển và tạo nên nét văn hóa độc đáo của tộc người. Trong bài viết này, chúng tôi giới thiệu sơ lược về đặc trưng nội dung, nghệ thuật lời nói vần của người Bahnar trên cơ sở nghiên cứu, khảo sát hơn 1000 đơn vị lời nói vần được sưu tầm ở tỉnh Kon Tum.

2. Nội dung

2.1. Thế nào là “lời nói vần”?

Từ những năm 90 của thế kỉ XX, các nhà nghiên cứu văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam thường nhắc đến thuật ngữ “lời nói vần”. Tuy vậy, cho đến nay, thuật ngữ này chưa được định nghĩa thống nhất. Trong tiếng M'ông, “lời nói vần” được gọi là “nau mpring” (Do, 2012, p.322). Trong tiếng Ê-đê, cách nói có vần gọi là “klei duê” (Do, 2021, p.43). Trong tiếng Jrai không có từ ngữ chỉ “lời nói vần” mà chỉ có cụm từ “tloi potuh” nghĩa là “thành ngữ” và “tloi đok đũa” có nghĩa là “tục ngữ” (Ksor Yin et al, 2005, p.403) hoặc “potuh” có nghĩa “đánh vần” (Siu Poi, 1998, p.397).

Trong các từ điển tiếng Bahnar không có từ nào có nghĩa là “lời nói vần” với ý nghĩa bao quát được đặc trưng của nó. Trong *Từ điển Bahnar-Việt*, từ *poton* (cách ghi khác là *hoton*) được giải nghĩa là “ngữ điệu trong ngôn ngữ khi nói hay đọc”; *potih* được giải nghĩa là “tục ngữ” và từ *todrong potih* có nghĩa là “dụ ngôn” (A Nanh et al, 2008, p.577-579). Trong cuốn *Từ vựng đối chiếu Việt-Bahnar Bahnar-Việt* của Lê Hữu Phong, từ *nữ potđok* hoặc *potđok nữ* chỉ “ca dao”, *hori* chỉ “ca hát” (Le, 2008, p.55). Ngoài ra, trong nói năng hằng ngày, người Bahnar thường dùng từ *chochon* để chỉ “lời nói vần về, ví von”, nhưng chúng tôi không tìm thấy từ này trong các từ điển Bahnar. Trong quá trình điền dã, chúng tôi thấy người Bahnar ở tỉnh Kon Tum thường gọi lời nói vần là *nữ poma potih*, người

² Ý nói: Con cái không hơn cha mẹ, người nhỏ không hơn người lớn.

³ Tương tự: Kính già già để tuổi cho.

⁴ Ý nói: Cô gái đã có người yêu hoặc chồng sắp cưới.

⁵ Măng lung/ măng lung: tức cõi âm phủ. Nói về quy định việc không được xâm phạm bất kì vật dụng gì trên nhà mồ.

Bahnar ở tỉnh Gia Lai gọi người nói vần là *nâr poma potâk*. Trong bài viết này, chúng tôi ghi là *nữ poma potih*, vì chúng tôi khảo sát lời nói vần trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Lời nói vần nằm trong ranh giới giữa ngôn ngữ tự nhiên và ngôn ngữ văn chương, vừa là lời nói hằng ngày vừa được tổng kết lại như một dạng phương ngôn. Trong lời nói vần những hình thức ví von, so sánh, lối nói giàu hình ảnh nhịp điệu là đặc trưng nổi bật... Lời nói vần thường gồm một vài dòng, tạo thành cụm câu mang nghĩa trọn vẹn, cấu trúc hài hòa, cân xứng. Tên gọi của nó xác định đây là hình thức lời nói có vần điệu thường là chữ cuối cùng của dòng trên hợp vần với một chữ ở giữa dòng tiếp theo.” (Nguyen, 2012, p.25)

Chúng tôi cho rằng ý kiến của Nguyễn Việt Hùng đã thể hiện một số đặc trưng của lời nói vần.

Qua khảo sát lời nói vần của một số dân tộc Tây Nguyên và người Bahnar, chúng tôi nhận thấy lời nói vần là hình thức diễn xướng bằng ngôn ngữ vần điệu để giúp dễ nghe, dễ thuộc và dễ lưu truyền. Lời nói vần không bao trùm các đặc trưng của thể loại văn học dân gian như thành ngữ, tục ngữ, ca dao, sử thi, câu đố. Lời nói vần cũng không giới hạn trong phạm vi của của các thể loại văn học dân gian ấy mà còn xuất hiện trong nhiều lĩnh vực khác như lời ăn tiếng nói hằng ngày, luật tục, lời khấn trong các bài cúng thần linh, bài thuốc của các *bojâu*⁶... Ở mỗi lĩnh vực hay thể loại, lời nói vần có hình thức, đặc điểm và cấu trúc khác nhau. Chính vì những đặc điểm của lời nói vần như vậy nên chúng tôi gọi lời nói vần là loại hình văn vần đặc biệt trong văn hóa của người Bahnar.

Lời nói vần của người Bahnar có nhiều đặc điểm tương đồng với lời nói vần của các dân tộc ở Tây Nguyên như Mơ Nông, Ê Đê, Jrai, Xơ Đăng. Về hình thức, chúng khá giống nhau ở cách nói vần về, ngôn ngữ giàu hình ảnh, bao gồm nhiều các tập hợp từ ngữ dài ngắn khác nhau. Có lời nói vần chỉ 5-6 âm tiết, có lời nói vần gồm nhiều vế câu hoặc nhiều câu. Do đó, chúng tôi không dùng từ “câu” để chỉ “lời nói vần” mà thường dùng từ “đơn vị”. Bởi vì có những đơn vị lời nói vần có cấu trúc tương đương với thành ngữ hoặc tục ngữ, lại có những lời nói vần rất dài, gồm nhiều câu như một “bài” ca dao. Về chức năng, hầu hết lời nói vần có trong lời ăn tiếng nói hằng ngày, là công thức diễn xướng trong truyện cổ, sử thi, luật tục. Những lời nói vần trong giao tiếp hằng ngày thường ngắn, có số lượng không quá 20 âm tiết trên một đơn vị; nội dung thường là một bài học đạo đức hoặc một kinh nghiệm sống hoặc lao động sản xuất. Trong khi đó, lời nói vần trong luật tục, truyện cổ và sử thi rất dài. Trong luật tục, muốn đưa ra một lời kết tội một đối tượng nào đó thì “ông xử kiện” (*pô phat kđi*) phải dẫn dắt rất dài các “điều, khoản” trong luật tục và vận dụng trong hoàn cảnh cụ thể (Phan et al., 1999, p.27). Trong sử thi, lời nói vần dùng để miêu tả ngoại hình, hành động của nhân vật, lời kể chuyện và miêu tả ngoại cảnh. Lời nói vần trong sử thi là những khuôn mẫu diễn xướng quan trọng. Nó giúp cho nghệ nhân ghi nhớ nội dung, cốt truyện và diễn xướng tác phẩm.

⁶ Trong tiếng Bahnar, *bojâu* có nghĩa là thầy bói, thầy phù thủy. *Bojâu* cũng được hiểu là các thầy lang, bà mụ của người Bahnar.

2.2. Nội dung của “lời nói vắn”

Lời nói vắn của người Bahnar có một giá trị độc đáo, đề tài rộng lớn, nội dung phong phú, ý nghĩa sâu sắc.

2.2.1. Bài học về rừng, lao động sản xuất, chăn nuôi, thời tiết

Người Bahnar sinh ra, lớn lên và chết đi đều gắn với rừng nên bài học đầu tiên và lớn nhất cuộc đời họ là bài học về rừng. Phổ biến nhất là kinh nghiệm đi rừng: *Bốk rak ring, Bók dring drit* (Đi cùng nhau, đi bên nhau); *Bốk tơ bri chếp sãng/ Bók komãng chếp ũnh* (Đi rừng vác dao, đi đêm vác đuốc); *Oei lâm bri athai kochãng, Bók komãng athai hoyăt* (Hãy cẩn thận vào ban đêm, hãy cảnh giác khi trong rừng) hoặc *Bốk tơ bri kochãng iũ hrông/ Lăt đak krong kochãng hlồng jrủ/ Bók lâm klők kông iũ kla rắp* (Đi rừng phải chú ý bầy công/ Lội sông cẩn thận chỗ nước sâu/ Vào rừng sâu coi chừng hổ rình)... Họ vừa yêu rừng vì rừng nuôi sống che chở họ nhưng họ cũng rất tôn kính và sợ rừng vì rừng tồn tại muôn vàn nguy hiểm. Người Bahnar gắn bó với rừng hàng ngàn đời nên rừng không chỉ là nơi sinh sống, tồn tại và phát triển của cộng đồng, là tài nguyên, là sự sống và còn là “không gian thiêng, không gian văn hóa” của họ (Nguyen, 2010). Vì vậy, kinh nghiệm đi rừng luôn là bài học đầu tiên của người Bahnar khi đặt chân đến cửa rừng.

Về chăn nuôi, người Bahnar có truyền thống thả rông trâu bò, dê, lợn, gà. Trâu bò của họ nhiều như kiến như mối nên họ không nhốt trong chuồng trại như người Việt mà thả rông trên rừng, trên các trảng cỏ mênh mông bên các bờ sông, thung lũng. Cho nên họ có kinh nghiệm về chăn nuôi theo cách thả thả. Cách chăn nuôi này thường không chú trọng cách chăm sóc mà quan tâm ở khâu chọn giống vật nuôi: *Kopô yông so, romo yông đũnh* (Trâu mẹ nhiều lúa, bò mẹ lâu đời); *Hnam hin sêm những yông/ Hnam podrông rong những tono* (Nhà nghèo nuôi lợn nái/ Nhà giàu nuôi lợn đực); *Rong iěr wã hắp ố/ Rong kỏ wã hắp kuố* (Nuôi gà để cho nó gáy/ Nuôi chó cho nó sủa)... Người Bahnar cho rằng giống vật nuôi tốt sẽ phát triển tốt trong điều kiện thả rông tự nhiên, giống tốt sẽ kháng được bệnh tật trong điều kiện thả rông trong không gian rừng núi không chuồng trại. Quan trọng hơn trong chăn nuôi là chọn vật nuôi phù hợp với điều kiện của từng gia đình hoặc mục đích của công việc như đi săn, làm rẫy, đánh bắt cá trên sông hoặc cúng tế thần linh...

Về trồng trọt, người Bahnar có truyền thống trồng lúa, ngô, khoai, sắn trên rẫy hoàn toàn phụ thuộc vào thời tiết. Vì vậy họ có nhiều kinh nghiệm quý báu về thời tiết: *Lếch tũk nhok wã phang/ Lếch tuk tomlông wã ‘mi* (Mây xanh thì nắng/ Mây trắng thì mưa); *Blông chông hời, ‘mi wã giãm jur* (Chuột sành kêu (thì) trời sắp mưa); *Koter lếch wã prãng/ Pongang lếch wã hngach* (Mỏi cày bò ra (thì) trời nắng/ Kiến bò nhọt kéo đi từng đàn (thì) trời mưa); *‘Năr ‘mĩ mễnh mãng/ ‘Năr prãng đũnh koxỏ* (Ngày mưa mau tối/ Ngày nắng chiều kéo dài); *Plễnh đũm ah pơgê todra wã ‘mi* (Trời hồng sáng sớm dấu hiệu chớm mưa); *Poyan puinh potom iung sang mãng/ Pôyang phang potom bích sang ‘ngah* (Mùa đông vừa mới dậy đã tối/ Mùa nắng vừa mới nằm đã sáng)... Khảo sát hơn 1000 đơn vị lời nói vắn, chúng tôi nhận thấy lời nói vắn về kinh nghiệm thời tiết chiếm số lượng lớn, đối tượng liên

quan đến thời tiết rất đa dạng như mây, gió, ánh sáng mặt trời, cây cối, con vật ở núi rừng Tây Nguyên. Kinh nghiệm về thời tiết của người Bahnar giúp họ gieo trồng, canh tác thuận lợi, mùa màng bội thu. Kinh nghiệm thời tiết của người Bahnar cũng giúp họ an toàn trong những chuyến băng rừng vượt núi để săn bắn, giao lưu, buôn bán với các cộng đồng khác. Kinh nghiệm này còn giúp họ xác định thời điểm trong năm tổ chức các lễ hội truyền thống hoặc các nghi thức cúng tế thần linh phù hợp. Đây là kho tri thức quý giá được đúc kết qua hàng ngàn năm sống trong môi trường thiên nhiên, khí hậu có nhiều biến đổi phức tạp như ở Tây Nguyên.

2.2.2. Những bài học làm người, về sức mạnh cộng đồng

Nội dung chủ yếu của lời nói vắn Bahnar là những bài học làm người như: sự hiếu thảo đối với tổ tiên, ông bà, cha mẹ, đề cao tình anh em ruột thịt. Trước hết là những lời nói vắn sự kính trọng, lòng hiếu thảo đối với tổ tiên, ông bà, cha mẹ: *Đăk đei konhông, 'long đei tom* (Suối có nguồn, cây có gốc); *Hiong klo hiong hokăn chă nai/ Hiong mẽ hiong bả chă đâng yơ?* (Mắt mẹ cha thật là khó kiếm/ Đạo vợ chồng không hiêm chi nơi)... Lòng hiếu thảo được thể hiện qua sự chăm sóc, phụng dưỡng của con cái đối với bậc sinh thành: *Ha-ıoh gomom bả, kră gomom kon* (Con cái cây cha, già cả cây con); *Oei iě gomom mẽ bả/ Truh kră gomom đe kon* (Còn nhỏ trông cây mẹ cha, đến khi già thì cây nhờ con cái); *Kră hĩn, kon bĩ goh jrế, kră trở 'mẽ kon bĩ goh tũk* (Cha mẹ nghèo con không được coi khinh, cha mẹ mắc bệnh cùi con không được bỏ mặc)... Đặc biệt, người Bahnar có lời nói vắn rất đặc trưng không lẫn với dân tộc nào. Đó là những lời nói vắn rất giàu hình ảnh và mang cách nói riêng biệt của người Bahnar: *Kõng bĩ tih hloh kơ blu/ Tu đak bĩ tih hloh kơ bah* (Cổ tay không lớn hơn bắp tay/ Thượng nguồn không lớn hơn hạ nguồn); *Mẽ bả pojing kon/ Yang hobang pojing đon bonôh* (Cha mẹ sinh con/ Thần linh sinh lòng)... Người Bahnar tin rằng Yang (thần linh) mới quyết định tính cách con người.

Người Bahnar quan niệm tình mẫu tử là điều thiêng liêng nhất. Đó là tình yêu vô bờ bến của cha mẹ đối với con cái: *Kla chodđok rồ rồ, chõng bĩ sa đơh kon* (Hồ dữ nhưng không ăn thịt con); *Kon torĩt thoi iě phoih kơ yõng, biõng kơ krông* (Con cái mồ côi như đàn gà con mất mẹ)... Trong đời sống hằng ngày, người Bahnar rất ít khi la mắng hoặc đánh đập con cái. Không khí trong gia đình người Bahnar rất dân chủ, đầm ấm với tình yêu thương của cha mẹ, vợ chồng, con cái: *Akăn chếp ũnh, klo kodũn mĩnh yak* (Vợ nhặt lửa, chồng lùi bước). Họ thương những đứa trẻ bất hạnh mồ côi cha mẹ: *Kon torĩt thoi iě phoih kơ yõng, biõng kơ krông* (Trẻ em mồ côi như gà con mất mẹ). Họ cũng khuyên những người góa bụa không nên lấy chồng sớm sẽ bỏ con thơ: *Adruh oei ioh hõh kơ chă klo* (Con gái còn nhỏ, đừng vội lấy chồng).

Nội dung lời nói vắn của người Bahnar còn khuyên mọi người hãy trân trọng tình anh em. Đã là anh em thì phải biết gắn bó, yêu thương nhau: *'Bõh oh pran jãng: momai hãk/ 'Bõh momai pãk: oh năm tơ-iung* (Thấy chị khỏe, em mừng/ Thấy chị ngã, em gái đến nâng). Người Bahnar rất ghét những kẻ không biết quý trọng người ngoài hơn là anh em ruột thịt:

'*Ba rah gah 'ba tom* (Lúa mọc hoang xô lúa tría). Họ cũng không thích anh em cãi nhau: *Hlôh hlăng pokang păng đê/ 'Nhõng oh klôk klak pơgre pơm kiơ* (Người khôn cãi người ngoài/ Sao anh em lại cãi nhau). Họ xác định không thể cắt đứt quan hệ huyết thống: *Hrếch tolái plôi tolái pơkai/ Bu gơh hrếch tolái momai tolái oi* (Không cắt được dây bí/ Không cắt được tình chị em).

Nhìn chung, nội dung lời nói vần của người Bahnar đề cao bài học làm người, trong đó đạo hiếu, tình cảm anh em được quan tâm nhiều nhất.

Lời nói vần Bahnar còn là những bài học về sự đoàn kết, sức mạnh của cộng đồng. Tinh thần đoàn kết của dân tộc Bahnar được thể hiện qua các bài học về sức mạnh của tập thể, về sự gắn bó khăng khít của các thành viên trong cộng đồng: *Lơ tở jrăng gơh jing mĩnh pôm hnam* (Nhiều cây cột mới làm nên nhà); *Ti mĩnh pah tap bĩ re/ Bobe mĩnh pôm bĩ gơh pơjĩl* (Vỗ một tay không thành tiếng/ Một con dê không thể húc nhau)... Tinh thần đoàn kết còn được thể hiện qua trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với buôn làng, đặc biệt là tài sản chung như nhà rông. Nhà rông là nơi sinh sống của cộng đồng và được xây dựng ở khu đất ở trung tâm của làng: *Tobũt kơ rông/ Rông kơ hnam* (Sừng sừng nhà rông đứng giữa những ngôi nhà dài). Nhà rông là tài sản chung nên các thành viên trong làng có trách nhiệm đóng góp xây dựng và bảo vệ nhà rông theo luật tục: *Ně prả lể rông/ Nể thông lể hnam* (Đừng bỏ nhà rông/ Đừng bỏ bê buôn làng)... Khi một cá nhân gặp khó khăn, cộng đồng sẽ giúp đỡ: *Mĩnh 'nu jĩ đĩ kon tonổ tở đơn* (Một người đau cả làng lo); *Bơngai mĩnh dih char thoi mĩnh akar sếch* (Người cùng quê hương như người ruột thịt)... Vì vậy, người Bahnar rất coi trọng người dân làng: *Polei pơ chỗ păng hre/ Poleiđe chỗ păng tểch* (Người làng trời bằng dây mây/ Người khách trời bằng dây tre). Trong luật tục của người Bahnar, hình thức xử phạt đối với người làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự cộng đồng là đuổi ra khỏi làng. Đó là hình thức trừng phạt cao nhất và đau đớn nhất đối với người Bahnar. Chính những điều nêu trên tạo nên tính ổn định và sức mạnh lâu bền của cộng đồng dân tộc Bahnar ở Tây Nguyên.

Đáng lưu ý là có nhiều lời nói vần có nội dung giống như những danh ngôn thế giới như: *Gắt jang gô đái mủk tomam/ Gắt pơxrăm gơh hlôh wao* (Siêng làm thì có của cải/ Siêng học thì có kiến thức). Điều này không loại trừ trong quá trình truyền giáo hoặc dạy chữ Bahnar, những người truyền giáo đã đưa những danh ngôn thế giới vào văn hóa của tộc người này. Ngoài ra, có nhiều lời nói vần mới được sáng tác trong thời gian gần đây, phản ánh tư duy tiến bộ, khoa học, không tin vào thần linh, phù thủy: *Hnam trung potal yang/ Hnam pơgang potal pơjâu* (Nhà trường thay thế thần linh/ Bệnh viện thay thế phù thủy). Điều này chứng tỏ lời nói vần vẫn đang lưu truyền và phát triển trong cộng đồng người Bahnar.

2.3. Hình thức của "lời nói vần"

Hình thức lời nói vần Bahnar rất đa dạng. Mỗi đơn vị lời nói vần thường có từ 4 đến 20 âm tiết được thể hiện trên 1 đến 2, 3 dòng. Những lời nói vần là các khuôn mẫu điển xướng trong sử thi có số âm tiết và số dòng nhiều hơn. Mỗi lời nói vần được chia thành nhiều vế đối ý, đối thanh, vần về với nhau tạo nên nhịp điệu sinh động. Từ ngữ của lời nói vần chặt

lọc, giàu hình ảnh có sức biểu đạt cao. Chẳng hạn: *Akâu bobbe ake kopô* (Thân dê, sừng trâu, ý nói người có sức khỏe phi thường); *Det tomo bĩ lếch đak/ Det klak bobbe bram bĩ lếch kon* (Nặn cục đá không chảy nước/ Nặn bụng dê đực không ra con, ý nói điều không thể xảy ra); *Bôh ka lâm klông/ Bôh hong lũng lâm plãnh* (Thấy cá dưới nước sâu/ Thấy chim trên trời cao, ý nói chớ chạy theo điều viễn vông, xa vời)... Cách nói hình ảnh phù hợp với tư duy và lời ăn tiếng nói của người Bahnar nên lời nói vần trở nên quen thuộc trong đời sống hằng ngày.

Nhiều lời nói vần mang đậm đặc trưng ngôn ngữ, bản sắc văn hóa của người Bahnar: *Et đak tolang bắt bongai tang hodrâm* (Uống nước giọt nhớ người làm máng); *Gah gao poma, gah pla wã koh phât* (Bên sông dao nói chuyện, bên lưỡi muốn chặt chém); *Homuh pũ hokã, krã pũ jak* (Trẻ mang gùi lớn, già mang gùi nhỏ); *Iěr bở todrang, sik tokang klaih* (Gà đã làm xong, rượu ghè đã sửa miệng, ý nói việc đã quyết không đổi được); *Jâng to bri ti to hnam* (Chân ở rừng, tay ở nhà, ý nói người siêng năng cần cù)...

Điều thú vị là nhiều lời nói vần rất sát nghĩa với tục ngữ người Việt như: *Chãl bả potãm 'long, chãl kon sa plei* (Đời cha trồng cây, đời con ăn quả); *Dak koxõk klang kok bek* (Nước đục béo cò); *Dak ro tomo toluih* (Nước chảy đá mòn)... Sự trùng hợp này có thể do ngẫu nhiên hoặc do quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt và Bahnar.

Không chỉ dành cho người lớn, người Bahnar còn có những lời nói vần dành cho trẻ em tương tự như đồng dao của người Việt: *Ponai jẽ gõ/ To' lỏ jẽ chêng/ Wai wêng jẽ trôm/ Kotôm jẽ mua/ Kã jẽ podrăn...* (Đũa cái gằn nôi/ Cái dùi gằn chiêng/ Con nhện gằn hang/ Kì đà gằn mối/ Con cá gằn mối...). Điều này làm cho lời nói vần của người Bahnar phổ biến rộng rãi cho nhiều đối tượng, nhiều độ tuổi, môi trường sử dụng khác nhau.

Đặc biệt, có rất nhiều lời nói vần là khuôn mẫu diễn xướng (công thức kể) trong các sử thi Bahnar. Những lời nói vần này miêu tả hình dáng, diện mạo, khí phách của các anh hùng, vẻ đẹp của cô gái, cảnh đánh nhau, cảnh lao động hay những lời thách đố nhau giữa người anh hùng và kẻ thù trước khi xung trận. Đây là lời nói vần miêu tả cảnh buôn làng giàu có, sung túc: *Kopô romo thoi koter/ Những iěr thoi loler cheh/ Thoi the brẽl, thoi chuoh krong* (Trâu bò đông như đàn mối/ Heo gà nhiều như đé com vừa đẽ/ Như sỏi đá, như cát sông). Hoặc đây là lời nói vần miêu tả vẻ đẹp của người con gái: *Bỏ guãng rỏ to'nỏ rang topũng/ Hokũng brê thoi rang todap* (Đôi má đẹp như hoa dưa gang/ Đôi môi thắm như bông hoa gạo); *Prãl to'nỏ kon yang/ Anh to'nỏ mắt 'nãr* (Xinh đẹp như tiên nữ/ Rực rỡ như mặt trời); *To drong 'lâng guãng bĩ luch kơ đê/ Kojung dãng gãl konãl dãng lãp/ Jĩng ti hobãp ro'mot/ Yak bõk sũng bĩng ling lỏng/ Sỏng dỏng konhoang* (Dáng người dong dong cao/ Chân tay tròn múp múp/ Với đôi má đỏ hồng hồng/ Đi uyển chuyển nhẹ nhàng/ Bước yểu điệu thướt tha (Nguyen et al, 2020b, p.321)... Hoặc trước khi vào làng nào đó thì nhân vật trong sử thi thường hỏi: *O kodrã polei dãng to/ Polei iếm hãm đei giãng?/ Tang giãng peh buih năm botho/ Tãng giãng peh blo dah năm khan* (Hỏi người chủ làng của làng này/ Làng các người có kiêng cử gì không?/ Nếu kiêng làm men thì cho biết/ Nếu cử ủ rượu hãy cho hay) (Nguyen et al, 2020a, p.520).

3. Kết luận

3.1. Có nhiều cách gọi và hiểu về “lời nói vần” của người Bahnar. Tuy nhiên, theo chúng tôi, lời nói vần là một loại hình đặc biệt trong văn hóa của tộc người Bahnar. Bởi vì nó không chỉ là lời ăn tiếng nói hàng ngày mà còn là phương tiện diễn xướng độc đáo trong các thể loại văn học, văn hóa khác như truyện cổ, sử thi, luật tục, các bài cúng thần linh. Đặc điểm này làm cho lời nói vần Bahnar trở nên phong phú, đa dạng, bởi vì nó được thể hiện trên nhiều phương diện, lĩnh vực văn hóa khác nhau.

3.2. Nội dung lời nói vần của người Bahnar rất phong phú. Nó phản ánh tư tưởng, tình cảm và kinh nghiệm sống, kinh nghiệm lao động sản xuất và ứng xử linh hoạt của người Bahnar đối với môi trường tự nhiên và xã hội. Do ảnh hưởng văn hóa, tín ngưỡng truyền thống nên nội dung lời nói vần của người Bahnar chịu chi phối đến thần linh (Yang) trong cuộc sống và ứng xử. Đặc biệt nội dung lời nói vần đề cao tinh thần đoàn kết và sức mạnh của cộng đồng. Đây là nội dung quan trọng tạo nên nét đặc trưng của lời nói vần của người Bahnar.

3.3. Hình thức và phương thức thể hiện lời nói vần của người Bahnar rất độc đáo. Đó là cách nói hình ảnh, giàu vần điệu được sử dụng linh hoạt trong đời sống và các sinh hoạt văn hóa, phong tục tập quán của người Bahnar. Đặc biệt, lời nói vần là khuôn mẫu diễn xướng độc đáo của sử thi. Nhờ lời nói vần, nghệ nhân diễn xướng có thể ghi nhớ nội dung, cốt truyện, sự kiện, tình tiết, nhân vật sử thi.

3.4. Lời nói vần của người Bahnar có nhiều điểm tương đồng với các dân tộc khác ở Tây Nguyên. Đặc trưng của lời nói vần của các dân tộc đều có chung đặc điểm là ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhịp điệu sinh động. Lời nói vần trong lời nói hàng ngày thường ngắn, số lượng âm tiết ít, có nội dung giáo huấn hoặc kinh nghiệm lao động sản xuất, ứng xử. Lời nói vần trong truyện cổ, sử thi và luật tục rất dài. Vì trong luật tục phải dùng lời vần cần dài hơi để diễn giải, dẫn dắt các “điều khoản” để luận tội, kết tội. Trong truyện cổ, sử thi, lời nói vần cần nhiều âm tiết, nhiều dòng để miêu tả hình dáng, tính cách nhân vật hoặc ngoại cảnh.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- A Nanh, A Pho, A Tik, A Thung, Nguyen, H. H., & Nguyen, T., L. (2008). *Tu dien Bahnar-Viet [Bahnar-Vietnamese dictionary]*. Hanoi: Religious Publishing House.
- Buon Krong Tuyet Nhung (2019). *Luat tục Bahnar trong doi song duong dai [Bahnar customary law in contemporary life]*. Danang: Danang Publishing House.
- Do, H. K. (2012). *Van hoc dan gian Ede va M'ning [Ede and M'ning folklore]*. Hanoi: Labor Publishing House.
- Do, H. K. (2021). *Mot so phuong dien cau dien ngon su thi Ede [Some discursive aspects of the epic Ede]*. Hanoi: Journal of Literary Studies, (1), 42-50.

- General Statics Office. (2019). *Ket qua toan bo tong dieu tra dan so va nha o nam 2019* [Completed Results of the 2019 Viet Nam Population and Housing Census]. Hanoi: Statistical Publishing House.
- Ksor Yin, Phan, X. T., & Romal Del. (2005). *Tu dien Viet-Jrai* [Vietnamese-Jrai dictionary]. Hanoi: Education Publishing House.
- Le, H. P. (2008). *Tu vung doi chieu Viet-Bahnar Bahnar-Viet* [Vietnamese-Bahnar-Vietnamese Contrasting Vocabulary]. Hanoi: National Culture Publishing House.
- Nguyen, N. (2010). *Rung trong van hoa Tay Nguyen* [Forests in Central Highlands culture]. Retrieved August 15, 2020 from <http://topplus.vn/tin-tuc/diem-den/rung-trong-van-hoa-taynguyen>
- Nguyen, T. D., A Luu & A Jar (2020a). *Giong xau xi* [Giong disguised as an ugly person]. Hanoi: Writers Association Publishing House.
- Nguyen, T. D., A Luu & A Jar (2020b). *Bia Roven lam hai vo chong Set* [Bia Roven harmed the Set couple]. Hanoi: Writers Association Publishing House.
- Nguyen, V. H. (2012). Folklore ngon tu nguoi Mo Nong-nhung quan sat buoc dau [Folklore from the M'ngong people - initial observations]. *Journal of Folk Light*, No. 01, 25-31.
- Phan, D. N., Vu, N. B., Ksor Kron, To, D. H., Romal Del & Vo, Q. T. (1999). *Luat tục Jrai* [Customary law of the Jrai people]. Published by Department of Culture and Information of Gia Lai province.
- Siu Poi (1998). *Tu dien tieng Jrai-Viet* [Jrai-Vietnamese Dictionary]. Hanoi: Education Publishing House.
- Tran, T. V. (2022). Loi noi van: Net van hoa doc dao cua cac dan toc Tay Nguyen [Rhyming Speech: The unique culture of ethnics in the Central Highland]. *Gia Lai News*. Retrieved from <https://baogialai.com.vn/channel/8213/202201/loi-noi-van-net-van-hoa-doc-dao-cua-cac-dan-toc-tay-nguyen-5763384/>

UNIQUE CONTENT AND ART OF BAHNAR'S RHYMING SPEECH

Nguyen Tien Dung

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Tien Dung – Email: dungnt@hcmue.edu.vn

Received: September 24, 2022; Revised: November 08, 2022; Accepted: December 24, 2022

ABSTRACT

The article briefly introduces the content and art of “rhyming speech” of the Bahnar, an ethnic group in the North Central Highlands and some mountainous districts of Binh Dinh and Phu Yen provinces. Rhyming speech is a special type of rhyme in the culture of the Bahnar. It has a sub-type similar to Vietnamese proverbs and idioms. Bahnar’s rhyming speeches are used in everyday communication and in ancient stories, epics, and customary law. The content of rhyming speech is rich. It reflects the vivid reality of Bahnar’s past and present life. The art of rhyming speech is unique. It is both a daily speech of the Bahnar ethnic and a model for building and performing ancient stories and epics.

Keywords: art; Bahnar; performance formula; content; rhyming speech